|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Số: 2018/TT-BKHCN  **DỰ THẢO** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước**

**của Bộ Khoa học và Công nghệ**

*Căn cứ Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định 559/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước”;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về chế độ báo cáo trong phạm vi quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.

2. Thông tư này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo thống kê thông tin khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về thống kê;

b) Chế độ báo cáo trong nội bộ cơ quan Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Chế độ báo cáo mật.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan hành chính nhà nước có liên quan đến việc thực hiện các chế độ báo cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, gồm:

a) Các bộ, cơ quan ngang Bộ có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ;

b) Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

d) Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ do cơ quan hành chính nhà nước ban hành.

**Điều 3. Nguyên tắc báo cáo**

1. Việc báo cáo phải đầy đủ, chính xác, khách quan, kịp thời.

2. Việc báo cáo phải theo đúng quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Người ký báo cáo phải đảm bảo theo đúng thẩm quyền, phù hợp với từng loại báo cáo và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan báo cáo.

**Điều 4. Nội dung chế độ báo cáo**

Nội dung chế độ báo cáo bao gồm các thành phần sau:

1. Tên báo cáo;
2. Nội dung yêu cầu báo cáo;
3. Đối tượng thực hiện báo cáo;
4. Cơ quan nhận báo cáo;
5. Phương thức gửi, nhận báo cáo;
6. Thời hạn gửi báo cáo;
7. Thời gian chốt số liệu báo cáo;
8. Mẫu đề cương;
9. Biểu mẫu số liệu báo cáo;
10. Hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo.

**Điều 5. Các loại chế độ báo cáo**

1. Chế độ báo cáo định kỳ là chế độ báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin tổng hợp của Bộ Khoa học và Công nghệ, được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và thực hiện lặp lại nhiều lần theo một chu kỳ xác định trong thời gian kéo dài.

2. Chế độ báo cáo đột xuất là chế độ báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin về vấn đề phát sinh bất thường theo yêu cầu của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Chế độ báo cáo đột xuất được ban hành tại văn bản hành chính.

3. Chế độ báo cáo chuyên đề là chế độ báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin có tính chuyên sâu về một chủ đề nào đó. Chế độ báo cáo chuyên đề được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính.

**Chương II**

**CÁC YÊU CẦU VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

**Điều 6.** **Tên các loại báo cáo định kỳ**

1. Báo cáo trong hoạt động của cơ quan nhà nước quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN của địa phương (Mẫu số 01);

b) Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN của các bộ, ngành (Mẫu số 02);

c) Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ sinh học (Mẫu số 03);

d) Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen (Mẫu số 04);

đ) Báo cáo hoạt động của Khu công nghệ cao (Mẫu số 05);

e) Báo cáo tình hình, kết quả triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Mẫu số 06);

g) Báo cáo công tác quản lý nhà nước về đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của địa phương (Mẫu số 07);

h) Báo cáo tình hình xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (Mẫu số 08);

i) Báo cáo công tác thanh tra chuyên ngành KH&CN (Mẫu số 09).

2. Báo cáo của tổ chức, cá nhân với cơ quan nhà nước quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

a) Báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Mẫu số 01);

b) Báo cáo đánh giá kết quả hoảt động định kỳ đối với doanh nghiệp công nghệ cao/dự án ứng dụng công nghệ cao (Mẫu số 02);;

c) Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường (Mẫu số 03);

d) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (Mẫu số 04);

đ) Báo cáo thực trạng tiến hành công việc bức xạ (Mẫu số 05);

e) Báo cáo thực trạng công tác triển khai thực hiện dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử (Mẫu số 06).

3. Mẫu đề cương báo cáo có thể có biểu mẫu số liệu kèm theo.

**Điều 7. Nội dung yêu cầu báo cáo**

1. Nội dung yêu cầu báo cáo phải bảo đảm sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Nội dung báo cáo nêu rõ những vấn đề cần tập trung báo cáo, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị (nếu có).

3. Tùy từng trường hợp cụ thể, nội dung báo cáo có thể chỉ có phần lời văn hoặc bao gồm cả phần lời văn và phần số liệu.

**Điều 8. Đối tượng thực hiện báo cáo**

1. Cơ quan hành chính nhà nước:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

c) Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm:

a) Tổ chức đánh giá sự phù hợp;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;

c) Tổ chức, cá nhân tổ chức xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

d) Tổ chức chủ trì hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

đ) Tổ chức tiến hành công việc bức xạ;

e) Tổ chức kinh doanh dịch vụ hỗ trợ năng lượng nguyên tử;

g) Doanh nghiệp công nghệ cao.

**Điều 9. Thời gian chốt số liệu trong chế độ báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo định kỳ 6 tháng: Được áp dụng đối với báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của địa phương quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư.

Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 16/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 15/6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 16/6 đến ngày 15/12 của kỳ báo cáo;

b) Báo cáo định kỳ hằng năm: Được áp dụng đối với tất cả các loại báo cáo quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Thông tư, trừ báo cáo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư.

Thời gian chốt số liệu: Tính từ ngày 16/12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 15/12 của kỳ báo cáo.

2. Đối với báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề, thời gian chốt số liệu thực hiện theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 10. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo và thời hạn gửi báo cáo**

1. Hình thức gửi báo cáo:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, đóng dấu theo quy định và gửi file điện tử;

b) Báo cáo thể hiện bằng văn bản điện tử, có sử dụng chữ ký số của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.  Phương thức gửi báo cáo:

Báo cáo được gửi tới nơi nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

1. Gửi trực tiếp;
2. Gửi qua dịch vụ bưu chính;
3. Gửi qua fax;

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử;

đ) Gửi qua hệ thống phần mềm báo cáo của Bộ.

3. Thời hạn gửi báo cáo

a) Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 25/6 và ngày 25/12 hàng năm.

b) Đối với các loại báo cáo định kỳ hàng năm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 (trừ điểm a khoản 1 Điều 6): Thời hạn gửi báo cáo trước ngày 25/12 hàng năm.

**Điều 11. Đơn vị nhận báo cáo**

1. Đối với báo cáo trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, đơn vị nhận báo cáo là Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với báo cáo trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đơn vị nhận báo cáo là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

3. Đối với báo cáo trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, đơn vị nhận báo cáo là Cục Sở hữu trí tuệ.

4. Đối với báo cáo trong lĩnh vực an toàn bức xạ, đơn vị nhận báo cáo là Cục An toàn bức xạ và hạt nhân .

5. Đối với báo cáo công tác thanh tra ngành khoa học và công nghệ, đơn vị nhận báo cáo là Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 12. Mẫu đề cương báo cáo, biểu mẫu số liệu kèm theo**

Thông tư này ban hành mẫu đề cương và biểu mẫu số liệu của các báo cáo quy định tại Điều 6 của Thông tư này tại các Phụ lục kèm theo.

**Chương III**

**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN**

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ PHÂN HỆ PHẦN MỀM BÁO CÁO**

**CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 13. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo**

1. Các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức, cá nhân tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, tiến tới thực hiện báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 35 và Điều 40 Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

**Điều 14. Phân hệ phần mềm báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ**

1. Phân hệ phần mềm báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ được xây dựng trên nền tảng của Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm quản lý và khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ.

2. Cho phép trích xuất các báo cáo tổng hợp từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ bảo đảm biểu mẫu thống nhất với biểu mẫu được Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia cung cấp.

3. Tích hợp với hệ thống quản lý văn bản điều hành của Bộ, tổ chức, thực hiện gửi báo cáo tổng hợp đến Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 15. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vấn đề vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| ***Nơi nhận:*** *-* Thủ tướng Chính phủ; - Các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Chính phủ; - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Tòa án nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp); - Công báo, Website Chính phủ; - Lưu: VT, VP. | **BỘ TRƯỞNG** |